TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 7 - 2022
"V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng
Ông Trần Văn Thắng

- ***Thư ký Phiên tòa****:* Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị N**, sinh năm 1988.
Cư trú tại: ấp K, xã T, TX Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1980.
Cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại Phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị N trình bày, chị và anh H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào năm 2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không được hạnh phúc, gia đình có hàn gắng nhưng không thành, hiện cả hai đã ly thân gần 01 năm nay nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung tên Trần Thúy H1, sinh ngày 25/11/2020, hiện đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Đối với anh Trần Văn H, Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh H biết được việc yêu cầu ly hôn của chị N, nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị N.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Ngô Thị N về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh H là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, anh H là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào năm 2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không được hạnh phúc, gia đình có hàn gắng nhưng không thành, hiện cả hai đã ly thân gần 01 năm nay nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Đối với anh H Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị N, cho thấy anh H chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của chị N khi phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, đối với yêu cầu của chị N là phù hợp nên chấp nhận nên chấp nhận về việc chị N xin ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung tên Trần Thúy H1, sinh ngày 25/11/2020, hiện đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N về việc nuôi dưỡng cháu Thúy H1 hiện chưa được 24 tháng tuổi, khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cần giao cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 25/11/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

[6] Về nợ chung: Chị N xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị N về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Thúy H1, sinh ngày 25/11/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện đang ở với chị N. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị N nộp 300.000đ. Vào ngày 20 tháng 4 năm 2022, Chị N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014904 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- UBND xã T, H.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyện